

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2020/DS-ST**

Ngày: 05-8-2020

V/v “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tố**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Quốc Thân**

Bà Nguyễn Thúy Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Văn Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020, về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1960; địa chỉ: 1530/E, ấp Phú Tân, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đ (*có mặt*).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Thúy H**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 1, Ấp 2, xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đ (*Theo Giấy ủy quyền đề ngày 19/6/2020*) (*có mặt*).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 430/111 Hồ Thị Hương, Tổ 2, Khu phố 2, phường Xuân Hòa, thành phố L, tỉnh Đ (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày, tranh luận:

Vào năm 2011, bà Nguyễn Thị Kim H là hội viên có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà Nguyễn Thị C làm chủ hụi, bà H đã hốt tất cả các dây hụi nhưng không đóng lại hụi cho bà C. Vào ngày 01-11-2012, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Kim H đã chốt lại số tiền hụi mà bà H còn nợ bà C là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Từ năm 2012 đến nay, mặc dù bà C đã nhiều lần yêu cầu bà H phải trả tiền, nhưng bà H vẫn chưa trả cho bà C số tiền trên. Nay, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa

án buộc bà Nguyễn Thị Kim H trả lại cho bà số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu).

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày, tranh luận:

Bà H thừa nhận việc chơi hụi đúng như nguyên đơn trình bày, do thời gian đã lâu nên bà H không nhớ đã chơi cụ thể bao nhiêu dây hụi cũng như số tiền hụi của từng dây. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chồng bệnh nặng nên bà H mất khả năng đóng hụi cho bà C.

Vào ngày 01-11-2012, giữa bà H và bà C đã cùng nhau chốt lại số tiền mà bà còn nợ bà C là 130.000.000đ, chính bà đã tự ghi vào sổ hụi của bà C, với nội dung xác nhận số tiền nợ là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) như tài liệu mà bà C đã cung cấp cho Tòa án là đúng.

Tuy nhiên, bà H cho rằng, vào ngày 29-8-2013 (Âm lịch), bà đã trả cho bà C đủ số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng), việc bà trả nợ thực tế như thế nào bà khai vậy chứ không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh, cũng không có ai làm chứng. Việc bà H không thu hồi giấy nợ là do bà H tin tưởng bà C. Ngoài ra, theo bà H, nếu bà còn nợ thì không có lý do gì phía nguyên đơn không nhắc nhở, không thông báo và không thực hiện việc đòi lại tài sản từ năm 2012.

Với những lý do trên, bà H không đồng ý trả số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu) theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H trả lại số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) theo văn bản không có tiêu đề, có nội dung thừa nhận nợ, đề ngày 01-11-2012. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H có nơi cư trú tại: Số nhà 430/111, đường Hồ Thị Hương, Tổ 2, Khu phố 2, phường Xuân Hòa, thành phố L, tỉnh Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng, bị đơn nợ số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) của nguyên đơn và xuất trình tài liệu không có tiêu đề, có nội dung thừa nhận nợ, đề ngày 01-11-2012. Lời khai và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận. Vì vậy, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được Tòa án công nhận là sự thật.

[4] Về ý kiến phản đối của bị đơn: Bị đơn cho rằng, đã thực hiện thanh toán khoản nợ, do tin tưởng nên không thu hồi văn bản xác nhận nợ và đưa ra lập luận cho rằng, nếu bị đơn còn nợ, thì khoản nợ đã từ năm 2012, lý do vì sao đến năm 2020, nguyên đơn mới đi khởi kiện đòi lại. Lời khai và lý lẽ của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, ý kiến phản đối của bị đơn và các lý lẽ bị đơn đưa ra không được chấp nhận.

[5] Căn cứ vào lời thừa nhận của các đương sự trong vụ án, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có đủ cơ sở khẳng định, đến thời điểm hiện nay, bị đơn bà H còn nợ số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) của nguyên đơn. Nguyên đơn bà C yêu cầu bị đơn bà H trả lại tài sản là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 1, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Quyền đòi lại tài sản:

1. Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu; Người sử dụng tài sản; Người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1958, là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp án phí, nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà H; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải nộp án phí, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147, điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 164, 166 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, về việc “Tranh chấp kiện đòi lại tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền chưa thanh toán và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim H.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 3.250.000đ (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006167 ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA thành phố L;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tổ